

Số văn bản: 725/CPNT2-TMTTĐ

Ngày ban hành: 16/06/2026

TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../CPNT2-TMTTĐ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v: Báo giá dự toán mua sắm vật tư dự phòng
phần C&I đợt 1 năm 2026.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà thầu tham dự chào giá lập dự toán

Tiếp theo công văn số 35/CPNT2-TMTTĐ ngày 09/01/2026 và 204/CPNT2-TMTTĐ ngày 27/02/2026, 430/CPNT2-TMTTĐ ngày 16/04/2026 hiện nay PVPower NT2 đang xây dựng dự toán công tác mua sắm vật tư dự phòng phần C&I đợt 1 năm 2026 với danh mục và thông số kỹ thuật của hàng hóa chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.

Đề nghị Quý Công ty gửi báo giá và các tài liệu kỹ thuật, thông tin về hàng hóa (nhà sản xuất, xuất xứ, chứng từ đính kèm hàng hóa ...) và thời gian giao hàng cụ thể của hàng hóa mà Quý Công ty chào trong bản báo giá cho PVPower NT2 theo thông tin như sau:

- Hình thức gửi báo giá: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax/Email;
- Thông tin tiếp nhận báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0251 2225899; Fax : 0251 2225897; Email: vanthu@pvnt2.com.vn
- Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 16h00 ngày 26/06/2026

Trân trọng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (thay b/c);
- P.KTSX, P.TCKT, P.TMTTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

 



Nguyễn Trung Thu

Phụ lục 1: danh mục và đặc tính kỹ thuật/ quy cách

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc trương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
1	Limit switch	Limit switch Type: Z4VH-335-11Z RMS Order No:10104-006	Cái	2	SCHMERSAL			
2	Limit Switch	Limit Switch - Pos. No. N/A Drwg. No. 300787.1/300787.2/A61401300787.3/A61402	Cái	2	TELEMECANIQUE			
3	Proximity sensor	Proximity sensor: IGA-3005-BPKG/V4A/ IG5456	Cái	3	IFM			
4	Pressure switch	Pressure switch: C2-P302L-S7B-S6-G1-C-X1	Cái	3	BETA			
5	Pressure switch	Pressure switch: C1-V304L-S2B-B1-K1-V	Cái	2	BETA			
6	Differential pressure switch	Differential pressure switch: AE.70.5.0.P.VA	Cái	1	Eaton			
7	Pressure switch	Pressure switch: C1-P302L-S7B-T2-G1-C- M-X1 Range: 10-100 mBar	Cái	2	BETA			
8	Differential pressure switch	Differential pressure switch: 120-SA-00-M- LA-1 Measuring range: 0 - 1 bar	Cái	1	MID-WEST			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất <i>hoặc</i> <i>tương đương</i>	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
9	Pressure Switch	Pressure Switch: E1H-H250-Q13; Part No: W2T15225	Cái	1	Barksdale			
10	Pressure Switch	Pressure Switch: SICK 2017809	Cái	1	SICK			
11	Switchgear (Contactor)	Switchgear (Contactor) Model: VB7-10-01: 508.0 Z032.239	Cái	1	ABB			
12	FLOW Switch	FLOW Switch: FCS-G1-2A4-NAEX-AL065	Cái	2	Turck			
13	Temperature transmitter	T32.3S.000-Z S# 778229 PT100 4 wire 0-100 độ C Output mA loop	Cái	3	Wika			
14	Thermo couple	thermo couple Type: TC-10B 2xType K Range: 0-1260 °C l= 420 mm Order No: TC10-B-M-DZZDTA-2-TRZZ0- 220-1211- D-J-0200-1 Order No:	Cái	3	Wika			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất <i>hoặc</i> <i>tương đương</i>	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
15	Temperature Transmitter	Temperature Transmitter: YTA110; Suffix: EA2DD/A/KU2;	Cái	2	Yokogawa			
16	Temperature gauge	Temperature gauge: Range: 0-120 °C; L = 118mm; D = 4mm; Loại que cắm không ren	Cái	2	Armaturen			
17	MAGNETIC FIELD PROBE/ PLUG (SPEED SENSOR)	MAGNETIC FIELD PROBE/ PLUG (SPEED SENSOR) Type: BR A5S13B90-06 CE0123 TPS03 ATEX 1 005X 100303 Order No:PB0000279890	Cái	6	Braun			
18	Gas detector	Kit number: 2108N4000N Có bao gồm: Part number: 2108B 2001N Optima Plus Gas Detector, hydrocarbon version, 4 to 20mA output, ATEX/IECEX, M25 thread spigot, electro polished 316SS, includes polyester mesh dust barrier, nylon weather protection housing and LNP Faradex deluge/sunshade	Cái	1	Honeywell			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
19	Absolute Vibration Sensor	Absolute Vibration Sensor: CA201	Cái	4	VIBRO-METER			
21	RWG position transmitter	RWG position transmitter: 566.0 (sub- assembly) for SA/SAR Art no: Z002.880	Cái	3	Auma			
22	RWG position transmitter	RWG position transmitter: 566.0 (sub- assembly) for SARExC Art no: Z002.880	Cái	3	Auma			
23	Searchpoint Excel Cross -duct gas detector	Searchpoint Excel Cross -duct gas detector: 2104N4224 bao gồm: _2104B2530 – Transmitter _2104B2531 – Receiver _2104B0716 – Heated Reflector Panel for Long Range ATEX _374788 – Honeywell Junction Box	Cái	2	Honeywell			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
24	Level Transmitter	Level Transmitter (Radar): type : 1208CN + Đầu chuyển đổi Khớp cố định: 01208-5000- 0009 + Đầu chuyển đổi Tín hiệu Output: Order: 6079194986 Prod Type: M12 Female, Straight. A Code. 4P, P G9, Gold Prod Number: T4110002041-000	Cái	2	ROSEMOUNT			
25	Differential pressure transmitter	Differential pressure transmitter: 3051S1CD5A2A11A1BN1M5P1Q4Q8	Cái	2	ROSEMOUNT			
26	Pressure transmitter	Pressure transmitter: 3051TG4A2C21BB4N1M5P1Q4Q8	Cái	2	ROSEMOUNT			
27	Differential pressure transmitter	Differential pressure transmitter: 3051CD3A22A1AB4DFM5/04	Cái	2	ROSEMOUNT			
28	Pressure transmitter	Pressure transmitter: 2051CD3A02A1BS5K1M5C4Q4	Cái	1	ROSEMOUNT			
29	Pressure Transmitter	Pressure Transmitter: Cerabar S PMP71- 1BA1U11RDABA	Cái	1	ENDRESS- HAUSER			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
30	Pressure transmitter	Pressure transmitter: PMC71- AAA1CBGAAAA	Cái	1	ENDRESS- HAUSER			
31	Pressure transducer	Press.transducer Ref: 1050 Part No: 1089 0575 54	Cái	1	ATLAS-COPCO			
32	Pressure transmitter	Pressure transmitter: 7MF4433-1GA62- 1AB7-Z	Cái	1	SIEMENS			
33	Pressure transmitter	Pressure transmitter: 7MF4433-1DA42- 1ED1-Z	Cái	2	SIEMENS			
34	Differential pressure transmitter	Differential pressure transmitter Type: 2051 CD2A22A1BS2L4Q4Q8D4 Mã cảm biến đi kèm: - 1199WCA94AFFW71DB00 - 1199MCK55AFFW71DB002E	Cái	2	ROSEMOUNT			
35	Level transmitter	Level transmitter: 3301HA1S1V3AM0040RBNA Tab: 204.00630110	Cái	1	ROSEMOUNT			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
36	Level transmitter	Level transmitter: FMI51-A1EGEJB3A1A Ser. No: H40054010F0 L1= 700mm L= 700mm U:12-36V DC Output: 4-20mA Hart	Cái	1	ENDRESS- HAUSER			
37	Level transmitter: FMI51- A1EGEJB3A1A	Level transmitter: FMI51-A1EGEJB3A1D Ser. No: D60193010F0 L1= 1450mm L= 1450mm U:12-36V DC Output: 4-20mA Hart	Cái	0	ENDRESS- HAUSER			
38	Level transmitter	Level transmitter: FMP45-ABYARJB21A2B LN=100mm	Cái	1	ENDRESS- HAUSER			
39	Low water probe	Type: NRG16-60 Độ dài Cảm biến : 800mm	Cái	1	Gestra			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
40	Inductive Proximity switch FOR NG UNLOADING VALVE	Inductive Proximity switch FOR NG UNLOADING VALVE; Model: Simatic PXI200 3RG4023-3AG33-0XC0; 10-34 VDC; PNP; NO ; 0.2A; Sn2: 8mm; Order No: 001.005.014.000.000	Cái	2	Siemens			
41	Proximity switch	proximity switch: Model: NJ2-12GK40-E2 Part No: 86380 U : 10-60 VDC J: 200mA Order No:HR01515677	Cái	1	PEPERL&FUCHS			
42	Proximity Transducer (Shaft vibration sensor)	Proximity Transducer (Shaft vibration sensor) Type: TQ902-011; PNR: 111-902-000-011; A1-B1-C072-D2-E10000-F2-G9800-H10; P0079903700 (PB0000044720)	Cái	2	Meggitt			
43	Proximity switch	Proximity switch: TL-W5F1	Cái	1	OMRON			
44	Power supply	QUINT-PS-100-240AC/24VDC/5A Input: 100-240VAC/50-60Hz Output: 24VDC/5A Temp: -25...70°C, derating > 60°C Certifications: UL, cULus, CE, GL, EN 60950, EN 60204, EN 61000-6-2, EN 61558- 2-17	Cái	4	PHOENIX- CONTACT			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất <i>hoặc</i> <i>tương đương</i>	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
45	Power supply	Input: 100–240 VAC, 50/60 Hz Output: 24 VDC / 2.5 A Temp: –25...70°C, derating > 60°C Certifications: UL, cULus, CE, GL, EN 60950, EN 60204, EN 61000-6-2, EN 61558- 2-17	Cái	2	PHOENIX- CONTACT			
46	Power supply	Power supply: Type: QUINT-PS/3AC/24DC/10; Order-No: 2866705; input: 2/3x400-500V; Output: 24V 10A; Certifications: UL, cULus, CE, GL, EN 60950, EN 60204, EN 61000-6-2, EN 61558- 2-17	Cái	3	PHOENIX- CONTACT			
47	Aux power supply unit	Aux power supply unit 6A: APS2-6RE	Cái	1	NOTIFIER			
48	Pure sineware Inverter 220VDC/220VAC	Pure sineware Inverter 220VDC/220VAC for HPU-PLC & LCPS : YK-PSW220200E	Cái	1	ELECTRON			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
49	CONNECTION CABLE EC153	CONNECTION CABLE EC153 (For humming sensor): Part no: 922-153-000-202; PB0000204897.	Cái	2	MEGGITT			
50	Input/output Card VM600 IOC 4T	Input/output Card VM600 IOC 4T Standard Part No: 200-560-500-113 Order No:	Cái	2	MEGGITT			
51	Configurable signal isolation	Configurable signal isolation amplifier: TR2.00UC	Cái	1	SCHUHMANN			
52	Local controls board	Local controls board: 003.0 (sub-assembly) Z014.811A/01	Cái	4	Auma			
53	Auma Logic board	Logic board Model: 009.0 (sub-assembly) Z013.718D/01	Cái	20	Auma			
54	ANALOG INPUT MODULE RTD	Analog input module Model: SM 331, AI 8 x RTD, RESISTANCE; Order.No: 6ES7331- 7PF01-0AB0	Cái	8	Siemens			
55	Touch Panel	Touch Panel TP177B Order No: 6AV6-642-0BA01-1AX1	Cái	1	Siemens			
56	Analog Input module	Analog Input module Model: 6ES7331-7NF10-0AB0	Cái	24	Siemens			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
57	Solenoid Coil	Solenoid Valve Coil. Model : 851020- 24VDC-30W	Cái	4	Parker			
58	Solenoid valve	Solenoid valve. Model: 5-VMK-H 25 NC 1E	Cái	2	COAX			
59	Solenoid valve	Solenoid valve. Model: JMEH-5/2-1/8-P-B	Cái	2	Festo			
60	Solenoid valve	Solenoid valve. Manufacture Asco. Model: SC8551A005MS, port 1/4 inch NPT	Cái	4	ASCO			
61	3/2 way solenoid valve	3/2 way solenoid valve. Manufacture Norgren. Model: Id Nr 2401103, seri 310212, Pe 0..10bar, G¼ - 24 VDC:	Cái	1	NORGREN			
62	Solenoid Valve	Solenoid Valve. Model: 5-VFK 50 NC, DN 50, ANSI 300, 24V DC, 0-64 bar.	Cái	1	COAX			
63	Solenoid valve	Solenoid valve. Model: ECD-H 10 NO 2E, G 3/8, 220Vdc, 0-150 bar bar.	Cái	1	COAX			
64	Directional seat valve	Directional seat valve Designation: Type: AS22060B-Z307-G24#2. New part no: AS22060b-G24--Z72/603 (517.1172)	Cái	1	WANDFLUH			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất <i>hoặc</i> <i>tương đương</i>	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
65	Flow sensor	Flow Monitoring IO-Link Device With Relay Outputs: FMX-IM-3UR38X Sensor: FCS-G1/2A4-NAEX/AL065	Bộ	2	Turck			
66	Auma matic	Auma matic: Type: AM 02.1; Com No: 13146599; KMS: TP104/201; MSP: 1E1-AS35JF18E1; Power: 7.5 Kw.	Cái	1	Auma			
67	Bộ van Auma	Bộ van Auma bao gồm: - Auma norm: SQ 05.2 F05-F07 , ORDER NO: 23071995 - Motor: VD00063-4-0.02, Art No: Z049.811, Pn 0.02kW, S2- 15min	Cái	1	Auma			
68	Filter Regulator	Filter Regulator Model: EAW 4000-F04D- G½	Cái	2	SMC			
69	Fail save analog input module	6ES7336-4GE00-0AB0	PCS	1	Siemens			
70	TRANSMITTER	TEMPERATURE TRANSMITTER: T32.1S	PCS	4	Wika			